

NGHỊ QUYẾT**Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh
Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

I. TÌNH HÌNH

Qua triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 10/5/2011 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 và Kế hoạch số 1270/KH-UBND, ngày 08/3/2017 của UBND tỉnh về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 10/5/2011 của Tỉnh ủy trong giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng GRDP khu vực công nghiệp - xây dựng giai đoạn 2011 - 2015 đạt 22,5%, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 9,5%; tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục được cải thiện theo hướng tích cực. Năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp (*giá cố định 1994*) tăng 2,8 lần so với năm 2010, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 22,5%; đến năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp (*giá so sánh 2010*) gấp 1,62 lần so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 10,2%/năm, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng 9%. Toàn tỉnh hiện có 8.638 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp. Ngành công nghiệp nói chung và ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nói riêng phát triển đúng hướng, khai thác có hiệu quả các lợi thế, tiềm năng của tỉnh; nhiều công trình năng lượng tái tạo, một số dự án mới (*nhà máy bia Sài Gòn - Lâm Đồng, nhà máy Sợi len lông cừu, nhà máy sản xuất Dược phẩm Nanogen tiêu chuẩn Châu Âu, tổ hợp Bô xít Nhôm hoạt động vượt công suất thiết kế*) được đầu tư, đi vào hoạt động góp phần phát triển kinh tế và làm tăng tỷ trọng ngành công nghiệp. Có 02 khu công nghiệp và 07 cụm công nghiệp thu hút 121 dự án (*trong đó 28 dự án FDI*). Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 708,5 triệu USD, gấp 1,68 lần so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 11%/năm, thị trường xuất khẩu với hơn 40 nước trên thế giới. Sản phẩm nông nghiệp qua sơ chế, chế biến đạt 45%, chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu hàng hoá xuất khẩu. Thương hiệu sản phẩm công nghiệp chế biến của tỉnh khẳng định được vị trí trên thị trường trong và ngoài nước; một số nông sản chế biến sâu có giá trị gia tăng lớn, chất lượng cao tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu. Tiểu thủ công nghiệp phát triển gắn với ngành du lịch và tham gia xây dựng nông thôn mới; ngành chế biến tơ tằm được khôi phục và phát triển tốt; sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống tiếp tục được duy trì phát triển.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tuy có bước phát triển nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tỷ trọng công nghiệp trong GRDP còn thấp (*khu vực II chiếm 19,64% trong cơ cấu kinh tế, trong đó công nghiệp chiếm 12,96%*); ngành công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển chậm, chưa khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; một số

sản phẩm tăng trưởng bình quân giai đoạn sau giảm so với giai đoạn trước như: Chè chế biến, sợi tơ tằm, lụa tơ tằm; các sản phẩm từ nông nghiệp chủ yếu là sơ chế hoặc chế biến một phần nên giá trị gia tăng thấp; năng suất lao động, khả năng đổi mới sáng tạo và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo còn hạn chế; một số sản phẩm tiểu thủ công nghiệp chưa đa dạng mẫu mã, chất lượng chưa cao; thiếu lao động có tay nghề và chuyên môn cao; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp vào tăng trưởng kinh tế địa phương còn khiêm tốn; nguồn vốn đầu tư cho phát triển ngành công nghiệp còn hạn chế, trừ lĩnh vực năng lượng.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên chủ yếu do: Lâm Đồng có khoảng cách khá xa với các cảng biển, trung tâm kinh tế lớn và thị trường tiêu thụ; hạ tầng giao thông đối ngoại, đối nội được cải thiện nhưng chưa phát triển đồng bộ nên chi phí vận chuyển chiếm tỷ lệ khá cao trong giá thành sản phẩm; trình độ, kỹ thuật sản xuất và công nghệ của ngành công nghiệp còn lạc hậu, làm ảnh hưởng đến chất lượng, giá thành và sức cạnh tranh của sản phẩm; công tác quản lý nhà nước về công nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển, nhất là phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; một số doanh nghiệp chưa chủ động xây dựng chiến lược phát triển lâu dài, bền vững; công tác xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xuất khẩu của doanh nghiệp còn đơn lẻ, chưa mang tính hệ thống; lúng túng trong việc liên kết chuỗi giá trị để hỗ trợ cùng phát triển; phần lớn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của địa phương có quy mô nhỏ và siêu nhỏ; vị trí, vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp, Hiệp hội ngành hàng còn hạn chế, chưa thể hiện rõ; các chính sách khuyến khích hỗ trợ thúc đẩy lĩnh vực chế biến nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng chưa được triển khai kịp thời; kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển công nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp chưa hoàn chỉnh, đồng bộ,...

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của cả nước. Phát triển ngành công nghiệp bền vững dựa trên khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo trở thành ngành công nghiệp đóng vai trò chủ đạo của khu vực công nghiệp, tạo ra giá trị gia tăng cao, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh; trong đó, ưu tiên phát triển các dự án sản xuất công nghiệp có công nghệ hiện đại, khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường.

- Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối hàng hóa; tăng cường kết nối giữa người sản xuất, doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan quản lý để phát triển công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm. Phát triển thương mại điện tử gắn với kinh tế số. Kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với nông nghiệp và dịch vụ; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghiệp, các sản phẩm chủ lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm chế biến, chế tạo của tỉnh.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Đẩy nhanh cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao tỷ trọng của ngành công nghiệp. Phát triển công nghiệp có chọn lọc; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh theo hướng hiện đại, bền vững. Tạo bước đột phá trong phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo trên cơ sở khai thác thế mạnh nguồn nguyên liệu sẵn có, tạo ra các sản phẩm có chất lượng và sức cạnh tranh cao, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp phục vụ thu hút đầu tư các dự án công nghiệp có quy mô, công nghệ tiên tiến; hình thành các nhà máy ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ số vào sản xuất công nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội. Nâng cao tỷ lệ sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo xuất khẩu sang các thị trường uy tín trên thế giới. Bảo vệ, phát huy giá trị các sản phẩm thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống.

Đến năm 2030, tỉnh Lâm Đồng hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cơ bản có nền công nghiệp theo hướng hiện đại, có tính cạnh tranh cao, một số sản phẩm công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phần đầu giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân đạt 11,5% - 12%/năm; tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 11,9% - 12,3%/năm.

- Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm khoảng 65% cơ cấu ngành công nghiệp; ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện chiếm 28%.

- Phần đầu đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 13 - 14%/năm.

- Hình thành các chuỗi liên kết bền vững giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu đối với các nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh.

c) Định hướng đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân đạt 13 - 14,5%/năm; tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 14,7 - 16,5%/năm; tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 14 - 15%/năm.

- Duy trì, phát triển mạnh các chuỗi liên kết bền vững giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu các nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu

- a) Phát triển công nghiệp chế biến có lợi thế cạnh tranh về vùng nguyên liệu, sử dụng công nghệ hiện đại thân thiện môi trường

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến sâu các loại nông sản, công nghiệp chế biến dược liệu, dược phẩm và thực phẩm chức năng từ sản phẩm nông nghiệp, cây dược liệu nhằm khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu tại chỗ. Ưu tiên

thu hút đầu tư các dự án chế biến thực phẩm có quy mô lớn, công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường; các trung tâm sau thu hoạch nông sản tại các vùng nguyên liệu tập trung, gắn với xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, mã số vùng trồng.

- Tiếp tục khôi phục, phát triển ngành nghề ươm tơ, dệt lụa gắn với vùng nguyên liệu theo hướng hình thành các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng tơ, lụa thành phẩm và đáp ứng các tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu. Từng bước hình thành các cụm dệt may tập trung trong các cụm công nghiệp và ngoài khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Bảo Lộc, huyện Bảo Lâm và Lâm Hà.

- Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản theo hướng khai thác hiệu quả và bền vững tài nguyên rừng. Tập trung phát triển các sản phẩm chế biến lâm sản từ nguồn nguyên liệu rừng trồng; ứng dụng khoa học, công nghệ vào chế biến lâm sản tạo ra các sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; tạo điều kiện phát triển sản xuất các sản phẩm nội thất cao cấp từ gỗ, đồ mỹ nghệ, chế biến giấy ...

- Phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản theo hướng tập trung, áp dụng công nghệ tiên tiến, giảm tối đa tác động đến cảnh quan, môi trường sinh thái, đất rừng để cung cấp nguồn nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến tại chỗ. Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến vật liệu xây dựng thông thường; sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường để sản xuất các loại vật liệu xây dựng nhân tạo thay thế các nguồn vật liệu tự nhiên. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản để hạn chế tình trạng bán thô, sử dụng tài nguyên khoáng sản kém hiệu quả.

- Phối hợp, tạo điều kiện phát triển, mở rộng nhà máy chế biến Alumin (*từ 650.000 tấn alumin/năm lên 800.000 tấn alumin/năm*), luyện nhôm, các sản phẩm sau nhôm (*trên địa bàn huyện Bảo Lâm, thành phố Bảo Lộc*) tiên tiến, hiện đại, gắn với mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh tương đương với các nước tiên tiến trên thế giới; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tài nguyên đất, gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi của người dân vùng dự án.

b) Phát triển công nghiệp cơ khí, chế tạo phục vụ phát triển nông nghiệp và công nghiệp chế biến

- Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư sản xuất, cung cấp các thiết bị, linh kiện, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp khai khoáng đáp ứng tiêu chuẩn và có khả năng cạnh tranh cao với hàng nhập khẩu. Phát triển các cơ sở cơ khí có quy mô phù hợp tại các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư để đáp ứng nhu cầu chế tạo, lắp ráp, sửa chữa dây chuyền thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp và phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh theo hướng ưu tiên phát triển các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp các sản phẩm cơ khí, điện tử, dệt may theo hình thức hợp tác, liên doanh liên kết với các nhà đầu tư nước ngoài.

c) Hình thành và phát triển chuỗi liên kết trong hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu

- Tiếp tục phát triển và mở rộng các chuỗi liên kết bền vững giữa sản xuất,

thu hoạch, sơ chế, chế biến gắn với tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, tạo ra các sản phẩm có chất lượng và sức cạnh tranh cao, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin hàng rào kỹ thuật của các nước nhập khẩu và đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử.

- Tập trung đầu tư mở rộng, chiều sâu các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông sản, dệt may hiện có. Hình thành các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu đối với các nhóm sản phẩm (*trước và sau chế biến*) chủ lực như: chè, cà phê, tơ tằm, hoa, rau củ quả, dược liệu với quy mô phù hợp.

- Đầu tư phát triển hệ thống bảo quản nông sản, các trung tâm logistics để tăng hiệu quả liên kết tiêu thụ hàng hóa, nông sản trong nước và xuất khẩu.

- Tiếp tục duy trì và phát triển mạnh thương hiệu “*Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành*”; duy trì và phát triển các thương hiệu, nhãn hiệu gắn với vùng nguyên liệu đặc trưng của tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng trung tâm giao dịch hoa tại thành phố Đà Lạt. Nghiên cứu, đầu tư phát triển các khu trưng bày, giới thiệu sản phẩm chủ lực của tỉnh tại các đô thị phát triển trong và ngoài nước.

- Tăng cường liên kết với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để thu hút các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tham gia sản xuất, cung cấp linh kiện, vật tư, nguyên liệu phục vụ các ngành công nghiệp, sản xuất nông nghiệp. Từng bước xây dựng mạng lưới các doanh nghiệp thực hiện chuỗi dịch vụ chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh.

2. Phát triển các khu, cụm công nghiệp tạo động lực thúc đẩy phát triển các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo

a) Quan tâm phát triển các khu, cụm công nghiệp, nhất là phải đồng bộ về hạ tầng, hệ thống giao thông, hệ thống xử lý nước thải,... Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư, xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và các công trình hạ tầng xã hội tại các khu công nghiệp Lộc Sơn, Phú Hội và các cụm công nghiệp tiềm năng hiện có; trong đó ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn, hàng năm để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư hệ thống xử lý nước thải, hoàn thiện các công trình đường giao thông nội bộ trong các khu, cụm công nghiệp (*khi không thu hút được nhà đầu tư xây dựng hạ tầng*) và hệ thống giao thông kết nối các khu, cụm công nghiệp với tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ đáp ứng vận chuyển nguyên liệu phục vụ sản xuất, lưu thông hàng hóa. Đẩy nhanh tiến độ thành lập, thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dự án thứ cấp để phát triển Khu công nghiệp Phú Bình.

b) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xây dựng các khu, cụm công nghiệp để tích hợp vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 làm cơ sở phát triển các khu, cụm công nghiệp phục vụ kêu gọi đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa trong hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Nghiên cứu, phát triển khu công nghiệp tại huyện Bảo Lâm gắn với phát triển, mở rộng nhà máy chế biến Alumin, luyện nhôm, các sản phẩm sau nhôm; nghiên cứu mở rộng, thành lập thêm các khu, cụm công nghiệp tại các địa phương có điều kiện phù hợp (*khu công nghiệp tại các huyện Đạ Tẻh, Bảo Lâm và*

thành phố Bảo Lộc; cụm công nghiệp tại các huyện Lạc Dương, Di Linh, Cát Tiên).

d) Tăng cường thu hút vốn đầu tư FDI vào chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ tại các khu, cụm công nghiệp trên cơ sở triển khai hiệu quả Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

đ) Xây dựng lộ trình và di dời các nhà máy, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi các khu dân cư; đồng thời tạo điều kiện về quỹ đất để tập trung di chuyển các nhà máy, cơ sở sản xuất này vào khu, cụm công nghiệp.

3. Phát triển công nghiệp năng lượng dựa trên lợi thế của tỉnh

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 135-KH/TU, ngày 28/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hóa thạch. Ưu tiên thu hút đầu tư có chọn lọc các dự án năng lượng tái tạo có tiềm năng (*thủy điện tích năng, thủy điện vừa và nhỏ, điện gió và điện mặt trời*) ở những nơi phù hợp, đảm bảo không tác động đến rừng tự nhiên, hạn chế tác động môi trường sinh thái, không ảnh hưởng đến khu vực an ninh, quốc phòng. Khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái và điện mặt trời trên các hồ thủy lợi, hồ thủy điện, đất nông nghiệp xấu, năng suất thấp. Tạo điều kiện thuận lợi thực hiện đầu tư hiện đại hoá ngành điện từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường điện; nâng cao khả năng bảo đảm an ninh mạng lưới điện và chất lượng dịch vụ điện.

b) Xây dựng hệ thống lưới điện đồng bộ để vận hành hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực, bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp.

4. Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với du lịch và giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn

a) Tăng cường đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp; tiếp tục phát triển các làng nghề truyền thống, đậm đà bản sắc dân tộc hiện có và phát triển những làng nghề mới để giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn; trong đó, khuyến khích hình thành, mở rộng mô hình phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với du lịch (*bao gồm dệt thổ cẩm, mây tre đan, trồng dâu nuôi tằm, wòm tơ dệt lụa,...*). Khuyến khích các nghệ nhân, thợ giỏi, các nhà nghiên cứu tham gia đào tạo, truyền nghề và thiết kế mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm nhằm bảo tồn các nét truyền thống của sản phẩm, đáp ứng thị hiếu và nhu cầu của thị trường; tiếp tục hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh bằng việc đa dạng hóa các nguồn vốn, phương thức huy động vốn và cho vay để hỗ trợ vốn cho các hộ sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề; hỗ trợ thông qua cung ứng nguyên, vật liệu, thiết bị máy móc, công nghệ mới vào sản xuất và bao tiêu các sản phẩm làng nghề; nâng cao trình độ sản xuất, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu làng nghề.

b) Kết hợp, lồng ghép Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn

mới với Chương trình Quốc gia mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tập trung xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, đặc biệt là thương hiệu “Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành”; tiếp tục tổ chức đánh giá và công nhận sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, trong đó có ít nhất 20% sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chứng nhận Quốc gia. Đồng thời, phát triển, nâng cao chất lượng, mẫu mã các sản phẩm đã được chứng nhận OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu nhằm phát huy thế mạnh về sản phẩm, vùng nguyên liệu và lao động địa phương.

c) Đẩy mạnh áp dụng thương mại điện tử; hỗ trợ các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp để xây dựng website giới thiệu, quảng bá, xây dựng thương hiệu sản phẩm làng nghề và áp dụng thương mại điện tử; xây dựng bộ tư liệu, thông tin về các làng nghề, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp làm cơ sở quảng bá, giới thiệu gắn với đầu tư phát triển, tiêu thụ sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường.

d) Đầu tư nguồn lực hỗ trợ phát triển hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp để hình thành các chuỗi liên kết giá trị với các doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động khu vực nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

5. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp

a) Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi và công bằng; hoàn thiện cơ chế chính sách đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính để rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đầu tư. Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) nhằm tạo điều kiện đơn giản nhất, thuận lợi nhất cho hoạt động của doanh nghiệp. Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi phục vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

b) Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh.

c) Thu hút đầu tư hạ tầng giao thông cấp thiết có tính chất kết nối liên vùng để nâng cao năng lực vận chuyển, lưu thông hàng hóa, vật tư; nâng cao chất lượng và hiệu quả liên kết vùng.

6. Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ trong hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

a) Quan tâm đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mới, tạo ra sản phẩm công nghệ cao như công nghiệp phần mềm, công nghiệp thông minh dựa trên thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ số, các dây chuyền tự động, robot, công nghệ in 3D, IoT (*internet kết nối vạn vật*), máy móc thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo phục vụ ngành nông nghiệp, sản xuất công nghiệp và du lịch.

b) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào hoạt động sản xuất công

nghiệp, tiêu thủ công nghiệp. Thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp; hình thành các sàn giao dịch thương mại điện tử.

c) Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tạo động lực khuyến khích, thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ vào hoạt động sản xuất công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp.

7. Nâng cao chất lượng, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp và tiêu thủ công nghiệp

a) Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý doanh nghiệp có chuyên môn cao, kỹ năng quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh; xây dựng đội ngũ công nhân có tay nghề cao, có tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật; có năng lực tiếp thu và sáng tạo trong sản xuất.

b) Hỗ trợ hoạt động đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, áp dụng công nghệ cao thông qua các chương trình đào tạo nghề của tỉnh, các bộ, ngành Trung ương và các chương trình hợp tác với nước ngoài. Quan tâm đào tạo chuyển đổi nghề và nâng cao kỹ năng, tay nghề cho lao động nông thôn, lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực chất lượng cao gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động.

c) Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn để thực hiện việc phát triển ngành nghề, làng nghề gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới nhằm chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp và dịch vụ.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực; phát huy vai trò các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò của các cấp ủy đảng và người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong quản lý nhà nước về công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương về công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp.

b) Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới. Thực hiện rà soát, sắp xếp hệ thống quản lý công nghiệp từ tỉnh đến các huyện, thành phố đảm bảo tập trung, hoạt động thông suốt, hiệu quả, có phân công, phân cấp rõ ràng; thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương.

c) Tăng cường thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp và tiêu thủ công nghiệp.

d) Phát huy vai trò của các Hội, Hiệp hội, Hợp tác xã... trong việc định hướng, tập hợp, gắn kết các doanh nghiệp, đơn vị hoạt động các ngành nghề, lĩnh vực. Xây dựng các Hội, Hiệp hội, Hợp tác xã trở thành cầu nối truyền tải các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đến doanh nghiệp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong thực hiện Nghị quyết.

3. Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn; các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp tỉnh; các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết này; định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

Nghị quyết này được phổ biến, quán triệt đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ban Kinh tế Trung ương (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Các Vụ theo dõi ĐP của Ban Đảng TW,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh,
- Các Đảng đoàn, Ban cán sự đảng,
- Các ban của Tỉnh ủy, UBKT Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT₃.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Trần Đức Quận